

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 310/2025/DS - ST

Ngày 22/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Bá Tiến.**

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thuỳ Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 65/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T.** Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T, số E phố L, phường T, quận H, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh P** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Việt C** – Chức vụ: Giám đốc TT Xử lý nợ khách hàng Cá nhân – Khối Giám sát tín dụng và XLN Khách hàng Cá nhân - T2 (*Theo Giấy ủy quyền số 05/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP T*). Ủy quyền lại cho: Bà **Hồ Thị Thanh N** – Chức vụ: Trưởng bộ phận XLN khách hàng cá nhân – Đội Xử lý nợ 3 – Trung tâm XLN khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ KHCN T2, bà **Trương Thị H**, ông **Lê Văn Đ** – Chức vụ: Chuyên viên cao cấp xử lý nợ khách hàng cá nhân - Đội Xử lý nợ 3 – Trung tâm XLN khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ KHCN T2, ông **Nhan Ngọc L** – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ khách hàng cá nhân - Đội Xử lý nợ 3 – Trung tâm XLN khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ KHCN T2, ông **Đinh Văn N1** và ông **Trần Tấn H1** – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ khách hàng cá nhân - Đội Xử lý nợ 3 – Trung tâm XLN khách hàng cá nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ KHCN T2 (*Theo Giấy ủy quyền số: 348/2025/GUQ-TPB.CM ngày 05/3/2025*). Địa chỉ liên hệ: D N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ có mặt.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1985. Địa chỉ: A H, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyệt vay vốn tại T2 theo các hợp đồng tín dụng sau:

Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022 và các phụ lục kèm theo, cụ thể:

- Số tiền vay: **1,000,000,000** đồng (*Một tỷ đồng chẵn*);
- Mục đích: Cho vay thanh toán mua xe ô tô;
- Ngày giải ngân: 26/01/2022;
- Thời hạn vay: 84 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 26/01/2029);

- Lãi suất cho vay trong hạn:

Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là: 8%/năm;

Lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn: Bằng Lãi suất cơ sở KHCN 3 tháng của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm;

Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần

- Lịch trả nợ: Định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20;

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Bà N đã tự nguyện thế chấp tài sản là 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: EVEREST; Màu: Đen; Biển kiểm soát: 43A-657.27; Số khung: MNCAXXMAWAME79860; Số máy: YNWSAME79860. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị N2. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình vay vốn, Bà N3 đã thanh toán khoản vay ô tô cho T2 tổng số tiền: 649,420,555 đồng, gồm: 404,761,932 đồng nợ gốc và 244,658,623 đồng nợ lãi. T2 đã làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho Bà N3 thanh toán nợ nhưng T2 không nhận được sự hợp tác trả nợ. Căn cứ quy định tại Hợp đồng cho vay, T2 đã gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn để thu hồi trước hạn toàn bộ khoản nợ của Bà N3. Bà N3 chưa thanh toán nợ kể từ kỳ trả nợ 20/12/2024 cho đến nay.

Dư nợ tạm tính tới ngày 22/09/2025 của Bà N3 tại T2 như sau:

STT	Số HĐTD	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Tổng nợ
1	76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022	595,238,068	61,278,185	656,516,253

Đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết

T2 kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật:

Buộc Bà N3 thanh toán ngay cho T2 tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/09/2025): 656.516.253 đồng (gốc: 595,238,068 đồng; lãi: 61,278,185 đồng). Bà

N tiếp tục trả lãi và các khoản phát sinh trên tổng số chưa thanh toán kể từ ngày 23/09/2025 đến ngày Bà N thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Bà N3 không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T2 thì T2 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án thi hành phát mại tài sản để thu hồi nợ là 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: EVEREST; Màu: Đen; Biển kiểm soát: 43A-657.27; Số khung: MNCAXXMAWAME79860; Số máy: YNWSAME79860. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị N2.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà N3 có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T2

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các bên đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng; Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, Điều 8 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với bà Nguyễn Thị N2: Buộc Bà N3 thanh toán ngay cho T2 tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/09/2025): 656.516.253 đồng (góc: 595,238,068 đồng; lãi: 61,278,185 đồng). Bà N tiếp tục trả lãi và các khoản phát sinh trên tổng số chưa thanh toán kể từ ngày 23/09/2025 đến ngày Bà N thanh toán hết các nghĩa vụ cho T2.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: EVEREST; Màu: Đen; Biển kiểm soát: 43A-657.27; Số khung: MNCAXXMAWAME79860; Số máy: YNWSAME79860. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị N2. Trường hợp bà Nguyễn Thị N2 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP T hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N2 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T với bà Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn không trả được nợ. Như vậy, bà Nguyễn Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/09/2025): 656.516.253 đồng (gốc: 595,238,068 đồng; lãi: 61,278,185 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

[2.2] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày **23/9/2025** theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị N2 thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.3] Xử lý tài sản thế chấp: Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022 ký kết giữa bà Nguyễn Thị N2 với Ngân hàng TMCP T thì tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản

vay bao gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: EVEREST; Màu: Đen; Biển kiểm soát: 43A-657.27; Số khung: MNCAXXMAWAME79860; Số máy: YNWSAME79860 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị N2.

Qua xem xét và đánh giá chứng cứ liên quan đến tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng nội dung và hình thức, có đăng ký giao dịch bảo đảm nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, trường hợp bà Nguyễn Thị N2 không thanh toán được nợ thì tài sản thế chấp nêu trên cần phải xử lý theo **điều 299, 303, 320** Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N2 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP T hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N2 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị N2 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp 2.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị N2 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP T đã nộp tạm ứng chi phí trước đó nên cần buộc bà Nguyễn Thị N2 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị N2 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 2 Điều 227**; Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 280; Điều 299, 303, 320, 322 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP T đối với bà Nguyễn Thị N.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/09/2025: 656.516.253 đồng (gốc: 595.238.068 đồng; lãi: 61.278.185 đồng).

2. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 23/9/2025 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Đề nghị vay vốn kiểm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số 76/2022/HDTD/TTB MT/01 ngày 26/01/2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị N thanh toán xong khoản nợ.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: EVEREST; Màu: Đen; Biển kiểm soát: 43A-657.27; Số khung: MNCAXXMAWAME79860; Số máy: YNWSAME79860 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị N2.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP T hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015274 do Phòng C1 Công an Thành phố Đ cấp ngày 25/01/2022 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

4. Án phí DS - ST: Bà Nguyễn Thị N phải chịu là **30.260.650 đồng** (Ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí **14.202.926 đồng** (Mười bốn triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0003677 ngày 16/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

5. Chí phí xem xét thẩm định tại chỗ: **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) buộc bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND KV2 - Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THỊ TRÂM